



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU  
REPAIR COMPOUND RESIN**

**PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp**

**Nhận dạng sản phẩm**

Tên sản phẩm                      REPAIR COMPOUND RESIN

Số hiệu sản phẩm                Y0021

**Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên**

Mục đích sử dụng đã được      Nhựa.  
xác định

**Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu**

**Nhà cung cấp**

ITW Performance Polymers  
Bay 150  
Shannon Industrial Estate  
Co. Clare  
Ireland  
V14 DF82  
353(61)771500  
353(61)471285  
mail@itwpp.com

**Số điện thoại khẩn cấp**

Số điện thoại khẩn cấp        +44(0)1235 239 670 (24h)

**PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại**

**Phân loại chất hoặc hỗn hợp**

Nguy hại vật chất                Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe         Độc tính cấp tính loại 4 - H312 Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2 - H319 Mẫn cảm da loại 1 - H317

Nguy hại về môi trường        Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411

Sức khỏe con người            Sản phẩm chứa nhựa epoxy. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.

**Thành phần nhân**

**Hình đồ**



Từ cảnh báo

Cảnh báo

## REPAIR COMPOUND RESIN

<b>Câu cảnh báo nguy cơ</b>	H315 Gây kích ứng da. H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da. H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài. H312 Gây hại nếu tiếp xúc với da.
<b>Câu phòng ngừa</b>	P261 Tránh hít hơi/ bụi nước. P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P302+P352 <b>NEÛ DÍNH VÀO DA:</b> Rửa sạch với nhiều nước. P305+P351+P338 <b>NEÛ DÍNH VÀO MẮT:</b> Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.
<b>Thông tin nhãn bổ sung</b>	EUH205 Chứa thành phần epoxy. Có thể gây ra phản ứng dị ứng.
<b>Bao gồm</b>	EPOXY RESIN (Number average MW <= 700 ), 1,4-BIS[(2,3-EPOXYPROPOXY)METHYL]CYCLOHEXANE

### Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

### **PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần**

#### **Hỗn hợp**

<b>EPOXY RESIN (Number average MW &lt;= 700 )</b>	<b>30-60%</b>
Số CAS: 25068-38-6	
<b>Phân loại</b>	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	
Mẫn cảm da loại 1 - H317	
Mẫn tính thủy sinh loại 2 - H411	
<b>1,4-BIS[(2,3-EPOXYPROPOXY)METHYL]CYCLOHEXANE</b>	<b>1-5%</b>
Số CAS: 14228-73-0	
<b>Phân loại</b>	
Mẫn cảm da loại 1 - H317	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

### **PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu**

#### Mô tả các biện pháp sơ cứu

<b>Thông tin chung</b>	Tránh tiếp xúc với da và mắt. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).
<b>Sự hít phải</b>	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Khi thấy khó thở, người đã qua đào tạo bài bản có thể hỗ trợ người bị ảnh hưởng điều chỉnh oxy. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
<b>Sự ăn phải</b>	Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Uống nhiều nước. Không bao giờ được cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng cho một người đang bất tỉnh. Không cố nôn ra. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

## REPAIR COMPOUND RESIN

**Tiếp xúc với mắt** Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

### Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

**Thông tin chung** Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.

### Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

**Ghi chú cho bác sĩ** Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

## PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

### Cách chữa cháy

**Cách chữa cháy phù hợp** Dập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô.

### Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

**Những nguy hại cụ thể** Khí hoặc hơi gây kích ứng.

### Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

**Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy** Tránh hít khí hoặc hơi cháy. Keep up-wind to avoid fumes. Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy. Kiểm soát nước chảy bằng cách chứa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch.

**Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa** Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

## PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

### Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

**Những cảnh báo cho cá nhân** Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Tránh tiếp xúc với da và mắt.

### Các cảnh báo về môi trường

**Những cảnh báo về môi trường** Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.

### Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

**Các phương pháp lau dọn** Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.

### Tham khảo cho các phần khác

**Tham khảo cho các phần khác** Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

## PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

### Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

**Những lưu ý khi sử dụng** Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Open drum carefully as content may be under pressure. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Avoid eating, drinking and smoking when using the product. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

### Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

## REPAIR COMPOUND RESIN

**Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất** Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt.

### Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

**(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng** Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

### PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

**Chú thích thành phần** Không có giới hạn phơi nhiễm cho các thành phần này.

### Quản lý phơi nhiễm

#### Thiết bị bảo hộ



**Kiểm soát kỹ thuật phù hợp** Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

**Bảo hộ mắt/mặt** Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe.

**Bảo hộ tay** Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Rubber or plastic.

**Bảo hộ khác cho da và cơ thể** Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

**Các biện pháp về vệ sinh** Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thay quần áo làm việc hằng ngày trước khi rời nơi làm việc.

**Bảo hộ cho hô hấp** Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp.

### PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

#### Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

<b>Hình dáng bên ngoài</b>	Bột nhão.
<b>Màu sắc</b>	Xanh da trời.
<b>Mùi đặc trưng</b>	Mùi nhẹ.
<b>Độ pH</b>	pH (dung dịch đậm đặc): 7 @ 20 °C
<b>Điểm nóng chảy</b>	N/D°C
<b>Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi</b>	>260°C @
<b>Điểm chớp cháy</b>	> 204°C
<b>Tỷ lệ hóa hơi</b>	<<1 (BuAc=1)
<b>Áp suất hơi</b>	0.03mmHg @ °C
<b>Tỷ trọng hơi</b>	>1
<b>Tỷ trọng tương đối</b>	1.45 @ 20 °C°C
<b>Tính tan</b>	Ít tan trong nước.
<b>Nhiệt độ tự bốc cháy</b>	>300°C

## REPAIR COMPOUND RESIN

**Thông tin khác** Không có.

### PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

<b>Khả năng hoạt động của chất</b>	Axit. Amin. Chất oxy hóa mạnh.
<b>Mức độ ổn định của chất</b>	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
<b>Khả năng gây ra phản ứng nguy hại</b>	Không polyme hóa.
<b>Các tình trạng cần tránh</b>	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài. Tránh tiếp xúc với nhiệt độ cao hoặc ánh nắng trực tiếp.
<b>Các vật liệu cần tránh</b>	Tránh tiếp xúc với các chất liệu sau: Chất oxy hóa mạnh. Axit mạnh. Amin.
<b>Các sản phẩm cháy nguy hại</b>	Oxit của cacbon. Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours. Vapours/gases/fumes of: Axit - hữu cơ. Andehyt.

### PHẦN 11: Thông tin về độc tính

#### Thông tin về tác động của độc tính

#### Độc tính cấp tính- qua da

**Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg)** 1.100,0

<b>Sự hít phải</b>	Không gây nguy hại đáng kể ở nhiệt độ thường. Gia nhiệt có thể tạo ra các sản phẩm sau: Khí hoặc hơi gây kích ứng.
<b>Sự ăn phải</b>	Có thể gây khó chịu nếu nuốt phải. Có thể gây đau dạ dày hoặc nôn mửa.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Gây kích ứng da. Tiếp xúc kéo dài và thường xuyên có thể gây mẩn đỏ và kích ứng. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Gây kích ứng cho mắt. Một lần phơi nhiễm đơn có thể gây ra các tác hại sau: Hủy hoại giác mạc.
<b>Nguy hại sức khỏe cấp tính và mẫn tính</b>	Sản phẩm chứa nhựa epoxy. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.
<b>Đường vào cơ thể</b>	Qua đường thở Ingestion. Hấp thu vào da

### PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

<b>Độc tính môi sinh</b>	Avoid release to the environment. Sản phẩm này chứa một chất độc hại đối với sinh vật thủy sinh và có thể gây tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.
<b>Độc tính</b>	Very toxic to aquatic organisms.
<b><u>Độ bền vững và độ phân hủy</u></b>	
<b>Độ bền và độ phân hủy</b>	Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.
<b><u>Tiềm năng tích tụ sinh học</u></b>	
<b>Khả năng tích lũy sinh học</b>	Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.
<b><u>Tính di động trong đất</u></b>	

## REPAIR COMPOUND RESIN

**Tính di động** Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.

### Các tác động có hại khác

**Các tác động có hại khác** Không có.

### PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

#### Các biện pháp xử lý chất thải

**Thông tin chung** Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.

**Các phương pháp thải bỏ** Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

**Nhóm chất thải** 08 04 99

### PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

**Chung** Không có thông tin khác.

#### Số UN

**Số UN (Đường bộ/Đường sắt)** 3082

**Số UN (IMDG)** 3082

**Số UN (ICAO)** 3082

#### Tên vận chuyển chuẩn UN

**Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt)** ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700 ))

**Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG)** ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700 ))

**Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO)** ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700 ))

#### Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

**Nhóm Đường bộ/Đường sắt** 9

**Nhãn Đường bộ/Đường sắt** 9

**Nhóm IMDG** 9

**Nhóm/ mục ICAO** 9

#### Nhãn vận chuyển



#### Nhóm đóng gói

**Nhóm đóng gói Đường bộ/Đường sắt** III

**Nhóm đóng gói IMDG** III

**Nhóm đóng gói ICAO** III

#### Các nguy hại về môi trường

## REPAIR COMPOUND RESIN

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh



### Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS F-A, S-F

Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 90

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và mã IBC Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

### PHẦN 15: Thông tin luật định

### PHẦN 16: Thông tin khác

Ngày sửa đổi 06/04/2018

Sửa đổi 9

Ngày thay thế 27/08/2015

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H312 Gây hại nếu tiếp xúc với da.  
H315 Gây kích ứng da.  
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.  
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.  
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.